

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-ST

Ngày 06 -12 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 06/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 12/11/2019, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 26/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Danh N, tên gọi khác: R; Sinh năm 1996 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh K (chết) và bà Dương Thị L; có vợ Nguyễn Thị Nguyệt H và 02 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị bắt tạm giữ ngày 05/9/2019, tạm giam ngày 11/9/2019, có mặt.

2. Nguyễn Trường G; Sinh năm 2000 tại An Giang; Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoàng K và bà Trần Thị Thu E; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2019, tạm giam ngày 06/9/2019, có mặt.

3. Cao Hữu P, tên gọi khác: P; Sinh năm 1987 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp X, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn B và bà Đặng Thị N; Tiền án: không; tiền sự: 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 125/2017/QĐ-TA ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; Nhân thân: 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 149/QĐ-TA ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; Bị bắt tạm giữ ngày 08/9/2019, tạm giam ngày 11/9/2019, có mặt.

4. Nguyễn Văn H, tên gọi khác: B; Sinh năm 1999 tại An Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T; có vợ Nguyễn Thị Út T và 01 con; Tiền án: 01 lần bị xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 79/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Tiền sự: không; Nhân thân: 01 lần bị đưa vào Trường giáo dưỡng theo Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện Chợ Mới về hành vi hiếp dâm trẻ em; Bị bắt tạm giữ ngày 02/9/2019, tạm giam ngày 05/9/2019, có mặt.

5. Dương Quang Đ; Sinh năm 1988 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Ngọc L và bà Lưu Thị B; Tiền án: 01 lần bị xử phạt 03 năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” theo Bản án số 30/2007/HSST ngày 29/3/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ; Tiền sự, nhân thân: không; Bị bắt tạm giữ ngày 19/8/2019, tạm giam ngày 28/8/2019, có mặt.

6. Phạm Đoàn T; Sinh năm 1986 tại An Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị X; Có vợ là Huỳnh Ngọc T; Tiền án: 01 lần bị xử phạt 10 năm tù về tội “Giết người” theo Bản án số 935/2009/HSPT ngày 21/12/2009 của Tòa Phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh; Tiền sự, nhân thân: không; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương do bị khởi tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, có mặt.

- Bị hại:

1. Trần Văn D, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.
2. Phạm Văn Q, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.
3. Phạm Hiền U, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.
4. Phan Tiến C, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp F, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.
5. Trần Tấn T, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.
6. Trần Duy E, sinh năm 1982, địa chỉ: Khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.
2. Trương Văn D, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.
3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1) Sáng ngày 07/5/2019, Danh N và B (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) điều khiển xe mô tô (không nhớ biển số) vào tuyến đường đê bao Vườn quốc gia Tràm Chim, thuộc khóm Y, thị trấn T nhìn thấy xe mô tô Wave 100 màu trắng biển số 66N1 – 196.47 của Phạm Hiền U đậu cặp lề đường, không có người trông giữ, nên N dùng đoản kim loại bẻ khóa, lấy xe chạy lên tỉnh Bình Dương bán cho Phạm Đoàn T giá 6.000.000đồng. Sau khi sử dụng, thì T bán xe lại cho H (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) ở tỉnh Bình Phước với giá 7.000.000đồng.

2) Ngày 12/5/2019, N và B điều khiển xe mô tô đến ấp U, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nhìn thấy xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 66N1– 261.96 của Phạm Văn Q đang đậu cặp lề đường, không có người trông giữ, N dùng đoản kim loại bẻ khóa, lấy xe chạy lên tỉnh Bình Dương bán cho T giá 6.000.000đồng. Sau khi sử dụng, T nhờ L (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) mang xe đi cầm cố với giá 8.000.000đồng.

3) Khoảng 12 giờ ngày 20/6/2019, N phát hiện xe mô tô Wave RSX màu vàng đen biển số 66N1 – 080.65 của ông Trần Văn D đang đậu phía sau Kios thuộc ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, không có người trông giữ, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, N lấy xe chạy lên tỉnh Bình Dương bán cho T giá 4.000.000đồng. Sau

khi sử dụng, T bán xe lại cho H (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) ở tỉnh Bình Phước giá 4.000.000đồng.

4) Khoảng 10 giờ ngày 27/6/2019, Nguyễn Trường G điều khiển xe mô tô hiệu Sonic biển số 66N1 – 394.98 đến nhà trọ “Hoàng Phúc” ở khóm U, thị trấn T rước N đi vào tuyến đê bao vườn quốc gia Tràm Chim, thuộc ấp T, xã P, huyện T để lấy trộm xe mô tô Future màu xám bạc biển số 66N1 – 302.94 của Phan Tiến C đậu cặp lề đường, vì trước đó G đi giao dầu nhìn thấy nên mới điện thoại cho N biết.

Quan sát không có người trông giữ, G đậu xe gần đó đợi, N dùng đoạn bẻ khóa xe, rồi điều khiển xe lên tỉnh Bình Dương, còn G chạy về nhà. Khi đến Bình Dương, N không liên lạc được với T nên gặp Cao Hữu P để nhờ bán chiếc xe vừa lấy trộm. Sau khi P thỏa thuận giá 6.500.000đồng với T xong, thì P kêu N, H giao xe cho 01 người tên L và gặp T (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) lấy tiền. T đưa N 6.000.000đồng (trừ 500.000đồng P nợ T). N đưa cho P thêm 500.000đồng, chia cho G 500.000đồng. Sau khi sử dụng, T bán xe lại cho H ở tỉnh Bình Phước với giá 7.000.000đồng.

5) Khoảng 08 giờ ngày 29/6/2019, G điều khiển xe mô tô hiệu Sonic chở Nguyễn Văn H, còn N chạy xe Dream (xe của Mai Văn Nhật T đưa cho N mượn) đến ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 66F1 – 168.53 của Trần Tấn T đang đậu trong 01 trại nhỏ cặp lề đường, G dừng xe cho H lấy trộm, rồi N và H chạy xe đi Bình Dương, còn G chạy xe về nhà. Khi đến Bình Dương thì N và H nhờ P bán xe vừa trộm, P đồng ý và gọi điện thoại cho T thỏa thuận giá 3.000.000đồng, T kêu N và P (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) đến nhận xe. Sau đó, N và H được Huỳnh Ngọc T (vợ T) đưa tiền. N chia cho P 500.000đồng, chia cho G 400.000đồng. Sau khi sử dụng, T bán xe lại cho H ở tỉnh Bình Phước giá 4.000.000đồng.

6) Ngày 14/8/2019, P thuê xe ô tô do B (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) điều khiển chở P cùng Dương Quang Đ, H, N từ tỉnh Bình Dương về huyện Tam Nông để trộm tài sản. Khi đến nhà trọ “Hoàng Phúc” thuộc khóm U, thị trấn T thì H gọi điện thoại cho N, do N điện rủ về trộm nhưng N không nghe máy, tiếp tục H gọi điện cho G thì G điều khiển xe mô tô Citi màu xanh biển số 66P1 – 918.97 đến nhà trọ gặp nhóm của P. H kêu G chạy xe Citi chở H đi tìm xe trộm nhưng không có nên về lại nhà trọ. Sau đó, H lấy xe của G, kêu Đ chạy đi tìm tài sản trộm. Lúc này, B lái xe về Bình Dương, Đ chở H chạy đến nhà của ông Trần Duy E thuộc khóm U, thị trấn T phát hiện không có ai ở nhà, H phá ổ khóa cửa và dùng đoạn bẻ ổ khóa xe mô tô Future màu xanh biển số 66N1-379.83, Đ dắt xe Future ra ngoài, rồi cả hai cùng trở về nhà trọ.

Đến nhà trọ, Đ trả xe Citi cho G, H đưa xe Future cho P chở Đ về Bình Dương. Rồi H kêu G chạy xe Citi chở H quay lại nhà của ông Duy E tiếp tục tìm tài sản trộm, H lấy được 01 bật lửa có hình cây súng nên gọi P quay trở lại lấy cây súng rồi tiếp tục chở Đ chạy về Bình Dương, G chạy xe Citi chở H và N đi theo

sau. Đến xã P, huyện T thì xe bị hư nên H và N gọi taxi về Bình Dương, G dắt xe về nhà. P và Đ điều khiển xe đến địa phận thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì bị Công an bắt giữ.

- Vật chứng thu được của vụ án gồm: 01 xe mô tô, biển số 66N1 - 379.83; 01 xe mô tô, biển số 66P1 - 918.97; 01 xe mô tô biển số 66N1 - 394.98; 01 bật lửa hình dạng cây súng; 01 đoạn kim loại có 01 đầu mài dẹt và 01 đầu lục giác; 01 đoạn kim loại hình chữ “L”, có 01 đầu rộng lục giác; 01 con dao bằng kim loại có hình con rồng màu đỏ.

- Theo Biên bản định giá: 01 xe mô tô, biển số: 66N1-379.83, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE 125 trị giá 25.500.000đồng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE 100, màu sơn trắng - đen - bạc, biển số: 66N1 - 196.47, trị giá 12.500.000 đồng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE, màu sơn xám - bạc - đen, biển số: 66N1 - 302.94, trị giá là 24.500.000 đồng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, màu sơn nâu - vàng - đen, biển số: 66N1 - 080.65, trị giá là 8.500.000đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ - đen, biển số: 66N1 - 261.96, trị giá là 13.000.000đồng; 01 xe mô tô biển số 66F1 - 168.53, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, trị giá là 7.200.000đồng.

- Tại Cáo trạng số: 49/CT-VKS-TN ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố:

+ Bị cáo Danh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Văn H và Dương Quang Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Cao Hữu P về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Phạm Đoàn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Danh N bồi thường cho các bị hại: Phạm Hiền U 12.500.000đ; Phạm Văn Q 13.000.000đ; Trần Văn D 8.500.000đ; Phan Tiến C 12.250.000đ; Trần Tấn T 2.400.000đ.

Bị cáo Nguyễn Trường G bồi thường cho bị hại Trần Tấn T 2.400.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho bị hại Trần Tấn T 2.400.000đ.

+ Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 02 đoạn kim loại và 01 con dao.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô loại CITI, biển số 66P1-918.97 và 01 xe mô tô loại SONIC, biển số 66N1-394.98.

+ Buộc các bị cáo: Phạm Đoàn T nộp 4.500.000đ; Cao Hữu P nộp 1.500.000đ tiền thu lợi bất chính.

+ Trong vụ án này, còn có: B, L, H, N, P, T, L, B tham gia nhưng không rõ họ, năm sinh và địa chỉ, cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

+ Đối với Mai Văn Nhật T hiện tại không có mặt ở địa phương, cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

+ Đối với Huỳnh Ngọc T, quá trình điều tra không chứng minh được T đồng phạm với Phạm Đoàn T nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Danh N: 03 – 04 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Trường G: 02 – 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 323; Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Cao Hữu P: 01 năm – 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; 01 năm – 01 năm 06 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt: 02 – 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H: 01 năm 06 tháng – 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Dương Quang Đ: 01 năm – 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Đoàn T: 01 năm 06 tháng – 02 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên theo Cáo trạng. Riêng chiếc xe mô tô biển số 66N1-394.98 mà bị cáo G dùng làm phương tiện phạm tội là của cha ruột Nguyễn Hoàng K xuất tiền ra mua, ông K không có bằng lái xe nên đưa cho bị cáo G đứng tên sở hữu. Trước khi xét xử ông K đã cung cấp chứng từ cho việc mua xe mô tô trên, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông K.

- Các bị hại có mặt tại phiên tòa: thống nhất theo Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng K đã cung cấp chứng từ, yêu cầu xin nhận lại 01 chiếc xe mô tô loại Sonic, biển số 66N1-394.98.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo, thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố và thống nhất theo kết quả định giá tài sản.

Cụ thể: N thừa nhận thực hiện 05 lần lấy trộm xe mô tô với tổng trị giá 65.700.000đồng; G thừa nhận thực hiện 03 lần cùng đồng bọn lấy trộm xe mô tô với tổng trị giá 57.200.000đồng; H thừa nhận thực hiện 02 lần cùng đồng bọn lấy trộm xe mô tô với tổng trị giá 32.700.000đồng; Đ thừa nhận thực hiện 01 lần cùng đồng bọn lấy trộm xe mô tô trị giá 25.500.000đồng; P thừa nhận thực hiện 01 lần cùng đồng bọn lấy trộm xe mô tô trị giá 25.500.000đồng và tiêu thụ tài sản do N trộm mà có, hưởng lợi 1.500.000đồng; T thừa nhận thực hiện 05 lần tiêu thụ tài sản do N, G, H trộm mà có, hưởng lợi 4.500.000đồng.

Xét lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp lời khai của người bị hại cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có bàn bạc trước, không có phân công cụ thể, chỉ thấy tài sản của người bị hại để sơ hở thì lấy cắp, trị giá từng xe mô tô đều trên 2.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 của Bộ luật hình sự với hình thức đồng phạm giản đơn theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đồng đến dưới 200.000.000đồng;

”

...

Như vậy, N trực tiếp và cùng đồng bọn lấy trộm tài sản là các xe mô tô với tổng trị giá 65.700.000đồng. G tuy không trực tiếp lấy trộm tài sản nhưng đã giúp sức để các bị cáo khác lấy trộm và hưởng lợi, với tổng trị giá tài sản lấy trộm là 57.200.000đồng, nên đồng phạm cùng các bị cáo khác trong vụ án. Do đó, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với N và G.

Ngoài ra trong vụ án này, N không có nghề nghiệp ổn định, đã thực hiện liên tiếp 05 lần trộm cắp tài sản để có tiền tiêu sài, làm nguồn sống chính, là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên cần áp dụng thêm điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt.

H trực tiếp lấy trộm tài sản với tổng trị giá 32.700.000đồng. Đ trực tiếp lấy trộm tài sản cùng với H với tổng trị giá 25.500.000đồng. P tuy không trực tiếp lấy trộm tài sản nhưng đã giúp sức để các bị cáo khác lấy trộm và hưởng lợi, với tài sản trị giá 25.500.000đồng, nên đồng phạm cùng các bị cáo khác trong vụ án. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt đối với H, Đ, P.

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

P, T biết rõ các xe mô tô (trị giá dưới 100.000.000đồng) mà các bị cáo trong vụ án này có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán giúp cho việc thực hiện hành vi phạm tội trót lọt, để hưởng lợi, cụ thể: P 1.500.000đồng, T 4.500.000đồng. Riêng T tuy thực hiện 05 lần phạm tội nhưng có thu nhập ổn định, không phải lấy tài sản thu nhập bất chính do phạm tội mà có làm nguồn sống chính. Do đó Hội đồng xét xử kết luận T, P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân các bị cáo cũng nhận thức được tài sản có được là phải bỏ công sức lao động mới tạo nên nhưng các bị cáo đã xem thường, bất chấp pháp luật, vì muốn có tiền tiêu sài mà các bị cáo đã lén lút lấy trộm và tiêu thụ tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó nên cần xử phạt bằng cách cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để được giáo dục từ bỏ con đường phạm tội, trở thành người có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe cho những ai có ý thức xấu xa như các bị cáo.

[3] Trong vụ án này, G, H, P, T đã thực hiện 02 lần phạm tội trở lên, nghĩ cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Riêng H, T, Đ phạm tội khi đã bị kết án, chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm, nên cần áp

dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng G đã bồi thường thiệt hại và bị hại Phan Tiến C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đ có gia đình có công cách mạng, N được bị hại Phạm Văn Q tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt, nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị hại có yêu cầu bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá, vì cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản, riêng bị hại Trần Duy E không có yêu cầu do đã nhận lại được tài sản và bị hại Phan Tiến C chỉ yêu cầu bồi thường 12.250.000đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất bồi thường cho các bị hại, xét thấy đây là tự nguyện thỏa thuận và phù hợp theo quy định tại Điều 598 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận, cụ thể:

Bị cáo Danh N bồi thường cho: bị hại Phạm Hiền U số tiền 12.500.000đồng; bị hại Phạm Văn Q số tiền 13.000.000đồng; bị hại Trần Văn D số tiền 8.500.000đồng.

N, G gây thiệt hại về tài sản cho bị hại Phan Tiến C số tiền 24.500.000đồng. Trong quá trình điều tra bị hại chỉ yêu cầu 01 mình N trả số tiền 12.250.000đ vì G đã bồi thường 12.250.000đ. Tại phiên tòa N đồng ý, xét thấy đây sự thỏa thuận và phù hợp pháp luật nên chấp nhận chỉ 01 mình N trả cho ông C số tiền 12.250.000đồng.

N, G, H cùng liên đới bồi thường cho bị hại Trần Tấn T số tiền 7.200.000đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý như sau:

+ Các vật chứng: 02 đoạn kim loại và 01 con dao là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, là vật không có giá trị, nên tịch thu, tiêu hủy là phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại CITI, biển số 66P1-918.97 là xe thu giữ từ Nguyễn Trường G, xe này hiện do anh D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 06/11/2017. Tại phiên tòa bị cáo G cho là xe của bị cáo mua lại của anh D,

tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh D có lời khai là đã bán xe cho G nhưng chưa làm thủ tục sang tên, là thuộc quyền sở hữu của G. Do xe này bị cáo G dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SONIC 150, biển số 66N1-394.98 do Nguyễn Trường G đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 16/4/2019. Tại phiên tòa, G và ông K (cha của G) đều cho là xe này do ông K xuất tiền ra mua để cho G chạy đi làm và để cho thuận tiện khi tham gia giao thông nên để G đứng tên. Xét thấy, xe mô tô do G đứng tên nhưng ông K bỏ tiền ra mua xe, hàng tháng đều trả góp cho Ngân hàng về số tiền mua xe, theo xác nhận của Cửa hàng xe gắn máy Hoàng Sơn thì ông K chịu trách nhiệm trả tiền gốc và lãi và cụ thể trước khi Tòa án xét xử vụ án thì ông K đã xuất tiền ra trả nợ xong. Xét thấy chiếc xe này G dùng làm phương tiện để chở bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, đáng lý tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, tuy nhiên xét lời khai và chứng cứ tại phiên tòa như trên, thì chiếc xe này có thể xem đây là tài sản của ông K, ngoài ra hoàn cảnh kinh tế của gia đình ông K cũng khó khăn, nghĩ nên giao trả lại cho ông K là hợp tình, hợp lý mà vẫn đảm bảo tính răn đe tội phạm và phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô hiệu HONDA, loại FUTURE FI, biển số 66N1-379.83 và 01 bật lửa hình cây súng, trong quá trình điều tra đã giao trả cho bị hại Trần Duy E, tại phiên tòa không có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Trong vụ án này, T hưởng lợi 4.500.000đồng, P hưởng lợi 1.500.000đồng, đây là tiền thu lợi bất chính từ việc tiêu thụ tài sản do các bị cáo khác trong vụ án trộm cắp mà có, nên cần buộc T, P giao nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tính án phí sơ thẩm trong vụ án hình sự như sau:

+ Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, cụ thể mỗi người phải chịu 200.000 đồng. Riêng T là thành viên của hộ nghèo, cận nghèo (theo giấy chứng nhận số 48/GCN-HCN ngày 08/01/2019 của UBND xã Vĩnh Châu) nên được xét cho miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

+ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự do phải bồi thường thiệt hại là: $46.250.000đ \times 5\% = 2.312.500đ$.

+ N, G và H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự do phải liên đới bồi thường thiệt hại là: $7.200.000đ \times 5\% = 360.000đ$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Danh N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt: Danh N 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 05 tháng 9 năm 2019.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Nguyễn Trường G phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt: Nguyễn Trường G 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 03 tháng 9 năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 55; khoản 1 Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Cao Hữu P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt: Cao Hữu P 01 năm tù.

Tuyên bố Cao Hữu P phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Xử phạt: Cao Hữu P 01 năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc Cao Hữu P phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 08 tháng 9 năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Nguyễn Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt: Nguyễn Văn H 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02 tháng 9 năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Dương Quang Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt: Dương Quang Đ 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 19 tháng 8 năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Phạm Đoàn T, phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Xử phạt: Phạm Đoàn T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

+ Danh N có trách nhiệm bồi thường cho: Phạm Hiền U 12.500.000đồng; Phạm Văn Q 13.000.000đồng; Trần Văn D 8.500.000đồng; Phan Tiến C 12.250.000đồng tiền thiệt hại về tài sản.

+ Danh N, Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Trần Tấn T 7.200.000đ tiền thiệt hại về tài sản, trong đó phần mỗi người phải chịu là 2.400.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về vật chứng của vụ án*: căn cứ các điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại CITI màu xanh, biển số 66P1 – 918.97, số máy: T100E1290526, số khung: 66P191897 do Trương Văn D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy ngày 06/11/2017.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 đoạn kim loại dài 7,5 cm có 01 đầu mài dẹt và 01 đầu lục giác; 01 đoạn kim loại hình chữ “ L” dài 08 cm, có 01 đầu rồng lục giác; 01 cây dao bằng kim loại màu vàng dài 29 cm, lưỡi dao hơi cong, trên thân dao có hình con rồng màu đỏ.

+ Giao trả cho ông Nguyễn Hoàng K: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SONIC 150 màu đỏ - đen, biển số 66N1 – 394.98, số máy: KB11E1192064, số khung: 1111KK192353 do Nguyễn Trường G đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy ngày 16/4/2019.

(Tất cả vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 41/QĐ-VKS-TN ngày 06/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông).

+ Buộc Phạm Đoàn T nộp 4.500.000đồng và Cao Hữu P nộp 1.500.000đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ các Điều 12, 14, 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Danh N, Nguyễn Trường G, Cao Hữu P, Nguyễn Văn H, Dương Quang Đ, mỗi người phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

+ Phạm Đoàn T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

+ Danh N phải nộp 2.312.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

+ Danh N, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn H liên đới nộp 360.000 đồng tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Công an huyện Tam Nông;
- Công an thị xã Thuận An – BD.
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Viễn